

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HSPT**

Ngày: 10/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Đặng Xuân Lộc
– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 129/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 04 năm 2021 đối với các bị cáo Lê Văn T và Lê Công Th; do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T và Lê Công Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1954 tại Vĩnh Long;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S1 2, xã S1, huyện X, tỉnh Đồng Nai;
Nơi cư trú: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Buôn bán;
Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Lê Văn Đ (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị B (Đã chết); Vợ: bà Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1954; Con: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1987;

Tiền án: Tại Bản án số: 264/2016/HSPT ngày 26/9/2016 của TAND tỉnh Đồng Nai, xử phạt Lê Văn T 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 23/12/2020 chấp hành xong hình phạt bổ sung (đóng 20.000.000đ) theo biên lai thu số 000755 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;

Tiền sự: Không;

Ngày 08/10/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Như T2 – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. Lê Công Th (Tên gọi khác: C), sinh năm 1993 tại Trà Vinh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã M, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp 4, xã M, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Công G, sinh năm: 1964 và bà: Tống Thị Ph, sinh năm 1961; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: 02 tiền án:

- Tại Bản án số 12/2018/HSST ngày 08/01/2018 của TAND huyện C1, tỉnh Trà Vinh xử phạt Lê Công Th 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam BG - Cục C10, Bộ Công an, đến ngày 04/10/2018 đã chấp hành xong hình phạt.

Tại Bản án số 17/2019/HS-ST ngày 21/5/2019 của TAND huyện C1, tỉnh Trà Vinh xử phạt Lê Công Th 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam PH – Cục C10, Bộ Công an, đến ngày 11/8/2020 đã chấp hành xong hình phạt;

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/9/2009, UBND huyện C1, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định số: 3450/QĐ-UB-NC, đưa Lê Công Th vào Trường giáo dưỡng số 5, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 05/10/2011 đã chấp hành xong. Ngày 04/7/2016, Công an xã M, huyện C1, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Công Th về hành vi “Trộm cắp tài sản”, phạt số tiền 1.500.000 đồng. Ngày 29/9/2017, đã chấp hành đóng tiền phạt;

Ngày 29/9/2020 đến ngày 08/10/2020 bị tạm giữ về hành vi đánh bạc. Ngày 08/10/2020 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp bảo lãnh. Ngày 17/11/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Th: Luật sư Hà Mạnh T5 – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 29/9/2020, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Ngọc ThV, Nguyễn Ngọc TH, Nguyễn Ngọc Nh và Lê Công Th đến điểm mua bán heo thuộc ấp CT, xã B2, huyện X của gia đình anh Nguyễn Tâm H, sinh năm 1977, ngụ tại ấp B3, xã X3, huyện X, tỉnh Đồng Nai, để bắt heo đi bán. Lúc này, anh H đang vắng nhà, trong thời gian chờ đợi bắt heo, Th1 rủ rê Nguyễn Ngọc ThV, Nguyễn Ngọc TH, Nguyễn Ngọc Nh và Lê Công Th tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài “cào cái” được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, V lấy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 tấm vải hoa văn màu xanh – trắng có sẵn trong chòi gỗ phía trước nhà làm dụng cụ đánh bạc ngay tại chòi gỗ. Khoảng 30 phút sau, Lê Văn T đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Ngọc ThV, Nguyễn Ngọc TH, Nguyễn Ngọc Nh, Lê Công Th và Lê Văn T đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an xã B2 phát hiện bắt quả tang, riêng Nguyễn Văn Th1 đã bỏ chạy thoát. Đến 18 giờ 00 phút cùng ngày, Th1 đã đến Công an xã B2 đầu thú và khai nhận hành vi trên.

Hình thức đánh bạc và số tiền thắng thua như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tây 52 lá để chơi, người thắng ván trước sẽ được chia bài, mỗi người chơi được chia 03 lá bài, các lá bài còn dư thì đặt úp giữa chiếu bạc. Trước khi chia bài, mỗi người chơi đặt trước số tiền cược tại vị trí mình ngồi trên chiếu bạc, sau khi chia bài xong thì người chơi mở bài đối chiếu tính kết quả thắng thua. Cách tính thắng thua dựa vào điểm như sau: Các lá bài “2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10” thì có số điểm tương ứng số của lá bài đó, các lá bài “J, Q, K” tương ứng 10 điểm; lá bài A (còn gọi là lá xì hay lá át) tính 01 điểm. Điểm bài là tổng điểm các lá bài cộng lại trừ đi hàng chục, về hình thức bài có các trường hợp sau 03 lá bài cùng quân bài gọi là ba cào, 03 lá bài bất kỳ là các quân bài J, Q, K gọi là 03 tiên. Đối chiếu tính thắng thua như sau: Lớn nhất là ba cào đến ba tiên, đến 09 điểm và nhỏ dần đến 0 điểm. Hai bài cùng ba cào thì 3 A lớn nhất, nhỏ nhất 03 lá 2, cùng 03 tiên cùng điểm thì có đôi lớn hơn, rồi tính đến quân bài cao. Các bị cáo thống nhất mỗi người làm cái xoay tua (05 ván/tua), riêng Nh và Thúc không tham gia làm cái, với quy định mức tiền cược thấp nhất mỗi ván là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng, mỗi ván bài mỗi người chơi trực tiếp tính được thua tiền với người làm cái.

Hành vi đánh bạc và số tiền đánh bạc, được thua của từng bị cáo như sau:

1. Nguyễn Văn Th1 khai nhận: Th1 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) dùng để đánh bạc, kết quả thắng số tiền 2.000.000 đồng thì bị bắt

quả tang. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang, Th1 bỏ lại số tiền 5.000.000 đồng tại chiếu bạc và đã bỏ chạy tẩu thoát.

2. Nguyễn Ngọc ThV khai nhận: V sử dụng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) dùng để đánh bạc, kết quả thắng số tiền 300.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người V số tiền 5.100.000 đồng và 200.000 đồng trên chiếu bạc tại vị trí V ngồi.

3. Nguyễn Ngọc TH khai nhận: Hùng sử dụng số tiền 3.210.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười nghìn đồng) dùng để đánh bạc, kết quả thua số tiền 2.610.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ 600.000 đồng trên chiếu bạc tại vị trí Hùng ngồi đánh bạc.

4. Lê Văn T khai nhận: Tám đem theo số tiền 5.530.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) nhưng chỉ sử dụng số tiền 500.000 đồng dùng để đánh bạc, kết quả thắng số tiền 300.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Tám số tiền 5.030.000 đồng và 800.000 đồng trên chiếu bạc tại vị trí Tám ngồi.

5. Nguyễn Ngọc Nh khai nhận: Sử dụng số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) dùng để đánh bạc, kết quả thua số tiền 290.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Nh số tiền 110.000 đồng và 1.500.000 đồng trên chiếu bạc tại vị trí Nh ngồi.

6. Lê Công Th khai nhận: Sử dụng số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) dùng để đánh bạc, kết quả thắng số tiền 300.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Thức số tiền 1.000.000 đồng và 600.000 đồng trên chiếu bạc tại vị trí Thức ngồi.

Tổng số tiền Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Ngọc ThV, Nguyễn Ngọc TH, Nguyễn Ngọc Nh, Lê Công Th và Lê Văn T sử dụng đánh bạc là 14.910.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Quá trình điều tra, xác định Lê Công Th có dấu hiệu bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi. Ngày 08/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Lộc ra Quyết định trưng cầu giám định số 277/QĐ/ĐTTH, trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa giám định tình trạng tâm thần, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi quá trình trước, trong và sau khi xảy ra vụ án trên đối với bị cáo Lê Công Th.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 645/KL-VPYTW ngày 16/11/2020 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa, kết luận:

- Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng rượu (F10.71 – ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Thu giữ tại chiếu bạc: 01 (một) bộ bài tây 52 lá đang sử dụng, 01 (một) tấm vải hoa văn màu trắng – xanh đã cũ, số tiền 8.700.000 đồng (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng) trên chiếu bạc. Thu giữ trên người Lê Công Th số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thu giữ trên người Nguyễn Ngọc Nh số tiền 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng); Thu giữ trên người Nguyễn Ngọc ThV số tiền 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, màu xám. Thu giữ trên người Lê Văn T số tiền 5.030.000 đồng (Năm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1172, màu đen.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Ngọc ThV, Nguyễn Ngọc TH, Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Nh, Lê Công Th phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Công Th: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2020, nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến ngày 08/10/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T: 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th1: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc TH: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc ThV: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Nh: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/3/2021, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để hưởng án treo đi chữa bệnh.

Ngày 18/3/2021, bị cáo Lê Công Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng. Cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T lớn tuổi, gia đình bị cáo Th có công với cách mạng đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Th tại thời điểm phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót, đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T cung cấp được chứng cứ thể hiện gia đình có công với cách mạng (chú ruột bị cáo là liệt sĩ) thuộc tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy cả hai bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ, nhưng mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử với các bị cáo là đã là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Như T2 bào chữa cho bị cáo T phát biểu: Bị cáo T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, nhưng bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên yêu cầu được hưởng án treo là khó. Tuy nhiên, bị

cáo T có chú ruột Lê Văn T4 là liệt sĩ, gia đình bị cáo là người thờ cúng liệt sĩ Tốt, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo T hiện sức khỏe yếu do di chứng nhiễm Covid 19. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Luật sư Hà Mạnh T5 bào chữa cho bị cáo Th phát biểu: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Th theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng tội danh. Nhưng về tính chất, bị cáo là người bị ru rê đánh bạc và chỉ sử dụng 1.300.000đ để đánh bạc, mức thấp nhất trong những người cùng đánh bạc. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này là thiếu. Khi bị cáo bị tạm giam, bị nhiễm Covid 19 nhưng không được chăm sóc y tế tốt, nên hiện sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có điều kiện thăm nuôi. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội danh trên là đúng pháp luật.

[2] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T đã lớn tuổi, gia đình bị cáo Th có công với cách mạng đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Th 03 năm tù, bị cáo T 08 tháng tù là đúng.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T cung cấp được chứng cứ mới thể hiện gia đình bị cáo có chú ruột Lê Văn T4 (liệt sĩ) là người có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Th tại thời điểm phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có thiếu sót, cấp phúc thẩm cần bổ sung tình tiết giảm nhẹ này. Tuy cả hai bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử là thỏa đáng và phù hợp, không nặng như đơn kháng cáo các bị cáo nêu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ

nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Quan điểm của các luật sư bào chữa cho bị cáo T và bị cáo Th có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T và Lê Công Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T: 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Công Th: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2020, nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến ngày 08/10/2020.

Các bị cáo bị xét xử về tội “Đánh bạc”.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Các bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

Vũ Thị Thu